

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/KDTM-ST

Ngày: 30-9-2023

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Như

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Thanh Thủy

2. Bà Nguyễn Thị Anh Thư

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Duy Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thương Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2023/TLST-KDTM ngày 14 tháng 7 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 229/2023/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần C

Địa chỉ: Số A, đường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Người đại diện theo ủy của nguyên đơn: Ông Trần Phước K, chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần C – Chi nhánh Q và bà Trương Thị Ny N, chức vụ: Trưởng phòng tổng hợp- Ngân hàng Thương mại Cổ phần C- chi nhánh Q; cùng địa chỉ: Số I, đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (Theo giấy ủy quyền số 474/UQ-HĐQT-NHCT-PCT13 ngày 25/4/2023).

Bị đơn: Công ty Cổ phần P, địa chỉ: Lô L- Khu Công nghiệp Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Hứa Hà T, chức vụ: Giám đốc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn N1, sinh năm 1976, nơi cư trú: Tổ A, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, khởi kiện bổ sung đề ngày 29/5/2023 và 21/6/2023; tài liệu trong hồ sơ vụ án nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần C trình bày: Giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần C- chi nhánh Q với Công ty Cổ phần P có ký kết hợp đồng cho vay hạn mức số 804004711378/2021-HĐCVHM/NHCT520-PQVINA ngày 15 tháng 9 năm 2021 với số tiền vay là 13.400.000.000 đồng; mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất bao bì giấy, thùng carton và các sản phẩm liên quan; thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày 15/9/2021 đến hết ngày 15/9/2022; thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng; lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay trong hạn của khoản nợ là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ và có giá trị từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất theo nguyên tắc: Thời hạn điều chỉnh lãi suất: Lãi suất điều chỉnh 01 tháng/ 01 lần vào ngày 15 hoặc ngày liền kề trước đó nếu ngày 15 không phải là ngày làm việc. Lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 6,7%/ năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng; tiền lãi trả vào ngày 20 hàng tháng. Trường hợp ngày 20 hàng tháng không phải là ngày làm việc thì bên vay được thanh toán vào ngày làm việc liền kề sau đó; lãi suất đối với dư nợ gốc quá hạn: Bên vay phải trả lãi trên số dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, theo đề nghị của bên vay (Công ty cổ phần P), Ngân hàng Thương mại Cổ phần C- chi nhánh Q và Công ty cổ phần P đã ký kết văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay số: 03/804004711378/NHCT520/202-HĐCV-SĐBS02/NHCT520-PQVINA ngày 29/7/2022 là sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng cho vay số: 804004711378/2021-HĐCVHM/NHCT520-PQVINA ngày 15/9/2021 cụ thể:

1.01 Sửa đổi khoản (a). mục 1.02, Điều 1 hợp đồng như sau: Tùy thuộc vào các điều khoản và điều kiện của hợp đồng này, bên cho vay (Ngân hàng Thương mại Cổ phần C) cam kết cho bên vay vay các khoản tiền bằng Việt nam đồng trong thời hạn duy trì hạn mức với tổng mức dư nợ vay và số dư L đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay theo hợp đồng này không vượt quá 2.460.000.000 đồng.

1.02 Sửa đổi Điều 5. Biện pháp bảo đảm hợp đồng như sau: Nghĩa vụ trả nợ gốc, thanh toán lãi, phí, các nghĩa vụ tài chính khác của bên vay phát sinh theo hợp đồng này được bảo đảm bởi các tài sản với hình thức bảo đảm, giá trị tài sản bảo đảm theo các cam kết bảo lãnh/ Hợp đồng bảo đảm mà bên vay ký

kết với bên cho vay hoặc các biện pháp bảo đảm khác, cụ thể: Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số CP530462/2019/HĐBĐ/NHCT520 ngày 18/6/2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Q và ông Lê Văn N1; Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số CP530463/2019/HĐBĐ/NHCT520 ngày 18/6/2019 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần C – chi nhánh Q và ông Lê Văn N1; Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số KPT/2017/PQVINA/HĐTC ngày 29/5/2017 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Q và Công ty CP P; Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số CA07588717/2019/HĐBĐ/NHCT520 ngày 30/9/2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Q và bà Nguyễn Hứa Hà T.

Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên cho Công ty Cổ phần P, ông Lê Văn N1 đã thế chấp cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 811 và thửa đất số 788, cùng tờ bản đồ số 8 tại phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi đang đứng tên ông Lê Văn N1.

Từ ngày 15/9/2021 đến ngày 14/6/2022 Công ty Cổ phần P đã 50 lần nhận nợ với số tiền 21.052.365.193 đồng tại 50 Giấy nhận nợ kèm theo Bảng kê Giấy nhận nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: 804004711378/2021-HĐCVHM/NHCT520-PQVINA ngày 15 tháng 9 năm 2021. Tiền lãi tính từ ngày 15/9/2021 đến hết ngày 15/5/2023 là: 641.743.017 đồng.

Từ ngày 19/5/2021 đến hết ngày 15/5/2023 Công ty Cổ phần P đã trả số tiền 20.188.217.613 đồng, trong đó tiền gốc 19.652.505.448 đồng, tiền lãi 535.712.165 đồng. Số nợ gốc còn lại và tiền lãi Công ty cổ phần P không trả, khoản vay chuyển nợ quá hạn. Kể từ ngày 24/11/2022 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần C yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty Cổ phần P phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C số tiền còn nợ đến hết ngày 29 tháng 9 năm 2023 là: 1.625.273.988 đồng, trong đó: Nợ gốc 1.399.859.745 đồng, nợ lãi trong hạn 153.321.455 đồng, lãi quá hạn 72.092.788 đồng và tiếp tục trả các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh từ ngày 30/9/2023 cho đến khi trả hết nợ tính trên số dư nợ gốc theo Hợp đồng cho vay.

2. Trường hợp Công ty Cổ phần P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng cho vay đã ký kết. Ngân hàng Thương mại Cổ phần C có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý toàn bộ tài sản đã thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 811, tờ bản đồ số 8 tại phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/10/2018 cho ông Lê Văn L1. Ngày 12/02/2019 được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q- chi nhánh Q

xác nhận thay đổi tặng cho ông Lê Văn N1 cho theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: CP530463/2019/HĐBĐ/NHCT520 ngày 18/6/2019.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 788, tờ bản đồ số 8 tại phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/10/2018 cho ông Lê Văn L1. Ngày 28/11/2018 được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q- chi nhánh Q xác nhận thay đổi tặng cho ông Lê Văn N1 cho theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: CP530462/2019/HĐBĐ/NHCT520 ngày 18/6/2019.

3. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty Cổ phần P có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng cho vay.

Bị đơn Công ty Cổ phần P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn N1: Được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để làm việc, không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 85, 86 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền gốc, lãi như nguyên đơn yêu cầu. Trường hợp bị đơn không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Sau khi xử lý tài sản mà không đủ thì bị đơn tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:* Theo Hợp đồng tín dụng số 804004711378/2021-HĐCVHM/NHCT520-PQVINA ngày 15/9/2021 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay số 03/804004711378/NHCT520/202-HĐCV-SDBS02/NHCT520-PQVINA ngày 29/7/2022 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần C- chi nhánh Q (sau đây viết tắt là Ngân hàng) với Công ty Cổ phần P và tài liệu chứng cứ tại hồ sơ do Ngân hàng giao nộp, thể hiện Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty Cổ phần P vay với tổng số tiền 21.052.365.193 đồng tại các giấy nhận nợ từ ngày 15/9/2021 đến ngày 14/6/2022 (bút lục 74-123); về mục đích, thời hạn và lãi suất vay được các bên thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng. Từ ngày 19/5/2021 đến hết ngày 15/5/2023 Công ty Cổ phần P đã trả cho Ngân hàng số tiền 20.188.217.613 đồng, trong đó trả tiền gốc 19.652.505.448 đồng, tiền lãi 535.712.165 đồng. Số nợ gốc còn lại và tiền lãi Công ty cổ phần P không trả chuyển nợ quá hạn và kể từ ngày 24/11/2022 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 29/9/2023 Công ty Cổ phần P còn nợ số tiền 1.625.273.988 đồng, trong đó nợ gốc 1.399.859.745 đồng, nợ lãi trong hạn 153.321.455 đồng, lãi quá hạn 72.092.788 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không có mặt, không có lời trình bày nào phản đối với yêu cầu của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần C yêu cầu Công ty Cổ phần P phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C tạm tính đến ngày 29/9/2023 với số tiền: 1.625.273.988 đồng, trong đó nợ gốc 1.399.859.745 đồng, nợ lãi trong hạn 153.321.455 đồng, lãi quá hạn 72.092.788 đồng cùng tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho vay nêu trên cho đến khi trả xong các khoản nợ là phù hợp quy định tại Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

[2.2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn về xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử nhận thấy:* Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: CP530463/2019/HĐBĐ/NHCT520 ngày 18/6/2019 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: CP530462/2019/HĐBĐ/NHCT520 ngày 18/6/2019 ông Lê Văn N1 đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 788 và thửa đất số 811, cùng tờ bản đồ số 8 tại phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần P về “nghĩa vụ được đảm bảo là toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đầy đủ và đúng hạn bao gồm: gốc, lãi, phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác) của bên được bảo đảm (Công ty Cổ phần P) đối với bên nhận thế chấp phát sinh từ tất cả các hợp đồng cho vay (hợp đồng tín dụng), hợp đồng cấp bảo lãnh, hợp đồng chiết khấu, hợp đồng bao thanh toán, văn bản liên quan tới việc phát hành L/c, hợp đồng mua bán trái phiếu, hợp đồng cấp tín dụng khác và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) mà bên được bảo đảm ký với bên nhận thế chấp trước, cùng và/ hoặc sau thời điểm ký kết hợp đồng này” được Văn phòng C1 chứng thực ngày 18/6/2019 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh thành phố Q đăng ký thế chấp ngày 21/6/2019.

Do đó, các hợp đồng thế chấp nêu trên giữa nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã phát sinh hiệu lực.

Tại Điều 5 của các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên có ghi các trường hợp xử lý tài sản thế chấp: “*Bên nhận thế chấp có quyền xử lý tài sản thế chấp khi xảy ra một trong các sự kiện sau: Bên được bảo đảm không thực hiện kịp thời, đầy đủ nghĩa vụ được đảm bảo khi đến hạn...*”. Việc thỏa thuận của các bên như trên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 788 và thửa đất số 811, cùng tờ bản đồ số 8 tại phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trường hợp tài sản bảo đảm tiền vay sau khi xử lý nếu không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bị đơn sẽ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Nếu còn thừa thì nguyên đơn sẽ trả lại cho bên bị đơn, nếu không có thỏa thuận khác.

[3] Về chi phí tố tụng: Bị đơn Công ty Cổ phần P phải chịu 4.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ngân hàng Thương mại Cổ phần C đã nộp tạm ứng và đã chi phí xong. Do đó, Công ty Cổ phần P phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C số tiền 4.000.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn Công ty Cổ phần P phải chịu án phí dân sự là 60.758.220 đồng [36.000.000 đồng + (3% x 825.273.988 đồng)]

- Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C số tiền 29.296.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91; Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 323, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần C.

Buộc Công ty Cổ phần P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C số tiền còn nợ tạm tính đến hết ngày 29/9/2023 là: 1.625.273.988 đồng, trong đó nợ gốc 1.399.859.745 đồng, nợ lãi trong hạn 153.321.455 đồng, nợ lãi quá hạn 72.092.788 đồng. Kể từ ngày 30/9/2023 Công ty Cổ phần P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 804004711378/2021-HĐCVHM/NHCT520-PQVINA ngày 15/9/2021 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay số 03/804004711378/NHCT520/202-HĐCV-SDBS02/NHCT520-PQVINA ngày 29/7/2022 cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp Công ty Cổ phần P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng cho vay đã ký kết. Ngân hàng Thương mại Cổ phần C có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý toàn bộ tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 811, tờ bản đồ số 8 tại phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: CP530463/2019/HĐBĐ/NHCT520 ngày 18/6/2019 được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh thành phố Q ngày 21/6/2019.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 788, tờ bản đồ số 8 tại phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: CP530462/2019/HĐBĐ/NHCT520 ngày 18/6/2019 được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh thành phố Q ngày 21/6/2019.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty Cổ phần P có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng cho vay.

2. Về chi phí tố tụng: Bị đơn Công ty Cổ phần P phải chịu 4.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ngân hàng Thương mại Cổ phần C đã nộp tạm ứng và đã chi phí xong. Do đó, Công ty Cổ phần P phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C số tiền 4.000.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn Công ty Cổ phần P phải chịu 60.758.220 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền 29.296.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0006241 ngày 07/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Như

[2.3.1]

[2.3.2] Phía bị đơn cho rằng khi xuất hàng ngày 07-5-2019 đã xảy ra sự cố dẫn đến khách hàng không đồng ý nhận hàng do bao bì bị nhòe mực in, logo bị bong tróc nên phía bị đơn đã mời các công ty cung cấp hàng hóa cho phía bị đơn đến cuộc họp ngày 18/5/2019, tại cuộc họp các công ty trong đó có nguyên đơn giao cho phía bị đơn thực hiện việc đảo kho, bao bì nào không đạt chất lượng sẽ bị loại và cho sang bao. Các công ty trong đó có nguyên đơn phải cung cấp kịp thời số lượng bao bì bị loại để kịp thời sang bao theo tiến độ bán hàng của Tổng công ty. Nhưng các công ty không cung cấp bao bì để phía bị đơn kịp thời sang bao nên để giảm thiệt hại do không giao hàng đúng thời gian cho đối tác, phía bị đơn đã chủ động mua bao bì của Công ty CP G và Công ty CP S để kịp tiến bộ sang bao và chi phí như nhân công, hao hụt sản phẩm... do các công ty trong có nguyên đơn phải chịu.